

# **KHÍ CÔNG Y ĐẠO VIỆT NAM**



TAI LIỆU HỌC TẬP :

## **Tự học day bấm huyệt Chữa 104 bệnh cấp cứu thông thường**

APPRENDRE À GUÉRIR SOI-MÊME PAR  
DIGITOPUNCTURE  
LES TRAITEMENTS D'URGENCE

# **ĐỖ ĐỨC NGỌC**

# **BỆNH CẤP CỨU**

1.Cấp cứu các loại hôn mê bất tỉnh :Traitement urgent des pertes de connaissances et coma.

Bách hội, Nhân trung, Nội quan. Trung Xung, Túc lâm Khắp.

2.Bất tỉnh :Perte de connaissance

Nhân trung, Hợp Cốc, Túc lâm khắp.

3. Bất tỉnh câm khẩu :Perte de connaissance avec aphasic

Nhân trung, Trung quản, Khí hải

4. Bất tỉnh lạnh chân tay : Perte de connaissance avec refroidissement des extrémités

Nhân trung. Khí hải

5.Bất tỉnh do trúng nắng : Coma par coup de chaleur

Nhân trung, Nội quan, Khúc trạch, Xích trạch

6.Bất tỉnh do chấn động thần kinh : Syncope par atteinte nerveuse

Nhân trung. Trung xung. Hợp cốc. Ủy trung

7..Băng huyết ( phụ nữ ) : Méno-métrorragie  
Tử cung, Thạch môn, Trung cực, Thận du

8. Bón làm đau bụng : Constipation  
Chiếu hải, Chi cầu,Thái bạch

9.Bụng tức do đầy hơi : ballonnement abdominal  
Nội đinh

10.Bụng quặn đau nỗi gò cục : Douleurs abdominales avec  
péristatisme intestinal localisé  
Thiên xu, Hoang môn.

11.Bụng quặn đau có cục cuộn lên cuộn xuống ...  
Douleurs abdominales avec péristatisme intestinal errant  
Thông cốc, Thúc cốt, Đại trường du

12.Bụng dưới đau từng cơn mãnh liệt : colique  
abdominale basse  
Đại đôn, Hành gian

13.Bụng đau quanh rốn do trúng gió : Douleurs péri-  
ombilicales  
Thần khuyết, Khí hải, Thiên xu, Thủy phân

14.Buòn nôn muôn ói :  
Nausées et envie de vomissements  
Nội quan, Trung quản, Túc tam lý, Vị du

15.Buồn nôn do rối loạn bao tử :

Nausées et vomissements dûs aux troubles gastriques  
Trung quản. Gian sứ

16.Buồn nôn, ói mửa : Nausées et vomissements

Trung đinh. Du phủ. Ý xá

17.Buồn nôn do rối loạn nhịp tim :

Nausées et vomissements dûs aux troubles cardiaques  
Nội quan. Thần môn hoặc Đại lăng. Thái uyên

18.Cảm khứu do trúng gió : aphasic

Ám môn, Dũng tuyễn

19.Cảm khứu cứng hàm :

Aphasie avec blocage mandibulaire

Giáp xa, Chi cầu, Ngoại quan, Liệt khuyết, Lệ đoài

20.Co quắp 5 ngón tay : Flexion des 5 doigts

Hợp cốc. Nhị gian, Hậu khê

21.Co rút gân cổ tay và bàn tay : Contraction des tendons

du poignet et main

Khúc trì, Dương cốc, Hợp cốc

22.Co thắt cách mô làm tức thở :

Spasme diaphragmatique difficulté à respirer

Cách du, Nhật nguyệt

23.Co thắt cơ ruột cuộn thành cục : Spasme intestinal  
Xung môn, Âm khích

24.Co thắt làm đau bắp thịt nơi ngực và bụng :

Douleurs spasmodiques thoraciques et abdominales  
Túc tam lý, Thùa sơn

25.Cơn đau tim : Angine de poitrine

Thiên trì

26.Cơn đau tim cấp tính : Douleurs cardiaques aigues  
Quyết âm du. Thiếu phủ. Thông lý

27.Cơn đau tim làm mệt : Douleurs cardiaques fatigantes  
Đại đõ. Thái bạch

28.Chảy máu cam : Epistaxis

a-Phong phủ, Nhị gian, Nghênh hương b-Hợp cốc

29.Chóng mặt nhức đầu : Vertige céphalée

Hợp cốc, Phong long, Giải khê, Phong trì

30.Chóng mặt do áp huyết xuồng đột ngột :

Vertige dû à l'hypotension artérielle

Quan nguyễn , khí hải

31.Chóng mặt,nhức đầu, buồn nôn và ói : Vertige, céphalée, nausées et vomissements  
Thùa quang, Giải khê

32.Chóng mặt do suy nhược thần kinh :  
Vertige dû à neurasthénie  
Cao hoang, Khúc trì, Túc tam lý, Đại chùy

33.Chóng mặt do thiếu máu : Vertige dû à l'anémie  
Túc tam lý, Khúc trì, Đại chùy

34.Chóng mặt xây xẩm do đàm suyễn nhiều :  
Vertige dû à l'asthme  
Dương lăng tuyễn, Phong long, Chi cầu

35.Chuột rút bàn chân : Spasme plantaire des pieds :  
Dũng tuyễn, Kinh cốt. Thùa sơn

36.Đau giữa ngực bụng :  
Douleurs médianes thoraco-abdominales :  
Túc tam lý

37.Đau hông và lưng : Douleurs des flancs et dos  
Can du

38.Đau giữa tim : Douleurs mésocardiaques  
Nội quan

39.Đau đầu như búa bổ : Céphalée perforante

Đầu duy. Đại lăng. Cường gian

40.Đau răng làm nhức đầu như búa bổ :

Douleurs dentaires et céphalée perforante

Khúc tân

41.Đau nhức xương kéo căng cơ gân :

Douleurs osseuses, tiraillement tendineux

Hồn môn

42.Đầu óc nặng nề hôn trầm :

Lourdeur de tête somnolence : Thiên trụ

43.Động kinh : convulsion

Thần đĩnh, Tố liêu, Dũng tuyền

44.Động kinh do sốt cao : Fièvre avec convulsion

Thập tuyễn

45.Động kinh sùi bọt mép, co giật chân tay :

Convulsion, écume labiale, contraction

Thập tuyễn, Thập nhị tĩnh huyệt

46.Đi khó khăn do cứng khớp gối :

Difficulté de marche due à la raideur des genoux

Khúc tuyễn, Ủy trung, Ủy dương

47.Hậu sản bất tỉnh : Syncope post-délivrance

## Đại đôn. Túc tam lý

48.Ho làm mệt, khó thở :Toux dyspnéique fatigante  
Vân môn, Du phủ

49. Hô hấp yếu dần, thoái thóp : Respiration faible  
Nhân trung. Tố liêu

50.Hôn mê do lạnh giá : Coma dû au froid intense  
Thần khuyết. Khí hải. Bách hội, Nội quan

51.Hôn mê ngất xỉu : Vertige comateux  
Nhân trung, Thiếu xung .Thái uyên , Bách hội. Tam âm giao

52.Hôn mê bế chứng : Coma contracturé  
Thập tuyễn. Nội quan, Nhân trung. Hợp cốc.Thái xung.  
Đại chùy. Phong long. Dũng tuyễn

53.Hôn mê thoát chứng : Coma avec lassitude  
Bách hội. Khí hải. Quan nguyên. Tố liêu. Thái uyên. Phục lưu

54.Hôn mê choáng váng, đau đầu, ù tai :  
Coma vertige ,céphalée, bourdonnement d'oreille  
Thiên trụ. Đại trữ. Côn lôn.

55.Hôn mê do trúng độc : Coma dû à l'intoxication

Nhân trung. Nội quan. Dũng tuyến. Xích trạch. Ủy trung.  
Túc tam lý

56.Hôn mê do say rượu : Coma dû à l'ivresse  
Nhân trung. Tỵ thông. Suất cốc

57.Hư thoát dương : Pertes séminales dues à la faiblesse  
Thần khuyết. Bách hội. Khí hải. Quan nguyên

58.Liệt mặt do tổn thương thần kinh :  
Paralysie faciale par atteinte nerveuse  
Xung dương bên chân ngược với bên méo miệng. Địa  
thương bên liệt

59.Liệt mặt, mắt xêch do tổn thương thần kinh :  
Paralysie faciale avec oculogyre par atteinte nerveuse  
Địa thương. Giáp xa.Nhân trung .Hợp cốc (bên liệt )

60.Lưng đau như gãy : Douleurs coupantes du dos  
Thúc cốt. Phi dương. Thừa cân.  
Lưng bị chấn thương , thêm huyết : Ủy trung. Nhân  
trung

61.Lưng rút gân làm đau : Douleurs névralgiques du dos  
Kinh cù

62.Lưng đau cứng nơi cột sống :  
Douleurs raides de la colonne vertébrale  
Nhân trung

- 63.Lưng đau cúi ngửa không được :  
Douleurs dorsales avec impotence fonctionnelle  
Thân mạch. Chiếu hải
- 64.Mắt trợn ngược : Anoblepsie ( crise oculogyre )  
Thần đinh. Ty trúc không. Can du. Ngọc châm
- 65.Mê loạn do ói mửa, đau bụng tiêu chảy :  
Délire dû au choléra, douleurs abdominales  
Xích trạch. Ủy trung
- 66.Mệt lả : Fatigue excessive  
Nội quan. Túc tam lý. Tam âm giao
- 67.Miệng sùi bọt mép, cứng hàm :  
Hypersalivation avec blocage mandibulaire  
Giáp xa. Nhân trung
- 68.Mồ hôi ra hoài không cầm làm mệt yếu dần (thoát dương) : Transpiration continue, hyposympathicotonie  
Thần khuyết, Phục lưu. Thận du. Mệnh môn
- 69.Ngất xỉu : Syncope  
Tô liêu. Nhân trung. Nội quan. Bách hội. Quan xung
- 70.Ngất xỉu do điện giật : Syncope par électrocution  
Tô liêu. Nội quan. Dũng tuyễn

71.Ngất xỉu do trúng độc : Syncope par intoxication  
Tố liêu. Nội quan. Túc tam lý

72.Ngất xỉu do trúng lạnh : Syncope par refroidissement  
Trung chǔ. Túc tam lý .Đại đôn. (Uống nước gừng nóng )

73.Ngất xỉu tim ngừng đập : Syncope avec arrêt cardiaque  
Thiếu xung

74.Ngất xỉu, thở vào khó : Syncope avec dyspnée inspiratoire  
Thái xung

75.Ngộp thở mặt tái : Dyspnée avec cyanose faciale  
Nhân trung. Thiếu thương

76.Ngực tức khó thở : Oppression thoracique  
Xích trạch. Thiếu trạch

77.Nôn ợ liên tục : Nausées incoercibles  
Âm đô. Trung quản

78.Nôn ra máu : Hématémèse  
Nội quan. Túc tam lý. Cách du. Xích trạch

79.Ói mửa sau khi ăn,kèm nóng sốt :

Nausées et vomissements post-prandiales, fièvre

Túc tam lý. Lao cung

80.Phù môi: Oedème des lèvres

Nghênh hương

81.Phù yết hầu : Oedème pharyngien

Nhị gian

82.Rối loạn áp huyết làm nhức đầu, chóng mặt, khó thở :

Irrégularité de tension artérielle

Nhân trung

83.Rối loạn tiền đình, đi lảo đảo :

Syndrome labyrinthique.

Tiền đình. Toản trúc. Thiên trụ.

84.Say nắng : Coup de chaleur

Nội quan. Khúc trạch. Xích trạch

85.Say sóng : Mal des transports

Nội quan. Túc tam lý. Thái dương.

86.Sốt : Fièvre

Đại chùy. Hợp cốc

87.Sốt cao làm kinh : Hyperthermie avec convulsion

Ủy trung. Ủy dương

88.Sốt mình nóng như lửa, đau đầu như búa bổ : Fièvre excessive céphalée

Trung xung. Mệnh môn

89.Sốt ho ra máu : Fièvre, hémoptysie

Ngư tê. Thái khê

90.Suyễn lên cơn không nằm được :

Crise d'asthme avec difficulté de décubitus

Thái khê. Phong long. Vân môn. Thái uyên

91.Suyễn lên cơn làm ngộp thở :

Crise d'asthme avec dyspnée

Du phủ. Thần tàng. Thiên phủ

92.Suyễn thở gấp làm mệt : Asthme polypnée fatigante

Phế du. Thiên đột. Túc tam lý

93.Tắc mạch máu não ( nhẹ làm đau đầu, nặng làm bất

tỉnh ): Obturation vasculaire cérébrale

Dũng tuyền.Chí âm. Bách hội

94.Tiêu chảy nhiều chân tay lạnh : Diarrhée avec

refroidissement des extrémités

Thần khuyết. Khí hải

95.Tiêu ra máu, ói ra máu : Méléna et hématémèse

Cách du. Ẩn bạch. Đại lăng .Thần môn. Thái khê.

96.Tiêu chảy mĩ không ngừng : Diarrhée profuse  
Ẩn bạch. Thủy phân. Thiên Xu .Đại trường du. Túc tam lý.  
Tam âm giao. Khúc tuyền

97.Thở khó do ăn không tiêu : Dyspnéepar indigestion  
Thiếu thương

98.Trúng lạnh : Refroidissement  
Trung quản. Thần khuyết. Khí hải

99.Trúng nắng : Coup de soleil .  
Nhân trung. Thập tuyễn. Dũng tuyễn. Ủy trung

100.Tê cổng tay chân : Engourdissement des extrémités  
Hoàn khiêu. Phong thị. Dương lăng

101.Vợp bẻ, hoa mắt :  
Spasme musculaire avec vision embrouillée  
Côn lôn. Thùa sơn

102.Vợp bẻ rút bắp chân :  
Spasme musculaire des mollets  
Khâu khu'

103.Xây xẩm hoa mắt : Vertige et vision embrouillée  
Giải khê. Thái dương

104.Xây xẩm do tăng nhãn áp :

Vertige dû à l'hypertension intra-oculaire

Toản trúc. Ế minh. Tinh minh .Túc tam lý. Quang minh.

---

**Lời dặn :** Chữa bệnh cấp cứu là dùng một số huyết đơn giản có hiệu quả tức thời trong lúc nguy cấp chưa phải là chữa gốc bệnh, sau đó cần phải truy tìm nguyên nhân gây bệnh để điều chỉnh lại sự khí hóa ngũ hành tổng thể của tạng phủ lập lại quân bình âm dương cho cơ thể.

---



## BẢNG TÓM TẮT KÝ HIỆU 14 ĐƯỜNG KINH (VIỆT-PHÁP-ANH)

Le tableau résume les noms et les notations des 14 méridiens :

Việt nam	Pháp	Pháp	Anh
Kinh Phế	P	Méridien du Poumon	P Lung Meridian
K. Đại tràng	DT	M.Gros intestin	GI Large Intestine M.
K.Ty	T (Ty)	M.Rate-Pancréas	Rp Spleen M.
K.Vi	V	M. L'Estomac	Es Stomach M.
K.Tam	Ta	M. Cœur	C Heart M.
K.Tiêu trường	Tr	M. L'intestin grêle	IG Small Intestine M.
K.Tâm bào	TB	M. Maître du cœur	MC Pericardium M.
K.Tam tiêu	Tat	M. Triple Rechauffeur	TR Triple Warmer M.
K.Can	C	M. Foie	F Liver M.
K.Đờm	D	M. Vésicule Biliaire	VB Gallbladder M.
K.Thận	Th	M.des Reins	R Kidney M.
K.Bàng quang	BQ	M. Vessie	V Bladder M.
Mạch Nhâm	MN	Vaisseau Conception	VC Conception Vessel
Mạch Đốc	MD	Vaisseau Gouverneur	VG Governing Vessel
Ký huyết	KH	Point Extraordinaire	PX Extraordinary point

## **1.Cấp cứu các loại bất tỉnh hôn mê :**

Traitemet urgent des pertes de connaissances et coma.

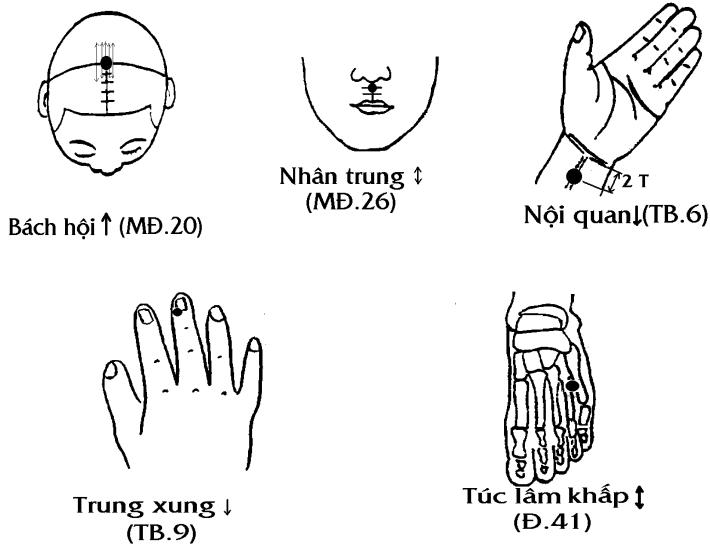
Thực hiện nhanh các động tác sau đây :

a-Một tay đỡ đầu phía sau gáy bệnh nhân, tay kia dùng 5 ngón cào mạnh 10 lần trên đỉnh đầu vùng Bách hội của bệnh nhân để kích thích hệ thần kinh não bộ không bị tê liệt, nếu không hệ tuần hoàn và hô hấp của bệnh nhân sẽ không tồn tại được lâu trong khi đang cấp cứu.

b-Bấm bẻ khớp của 10 đầu ngón tay để kích thích các kinh mạch hoạt động trở lại theo thứ tự từ ngón út đến ngón cái. Ngón út trái khi bóp mạnh giúp quả tim đập lại mà khỏi cần dùng máy xung điện áp vào ngực bệnh nhân, ngón áp út trái giúp huyết lưu thông, ngón áp út phải giúp cho khí lưu thông. Ngón giữa giúp kích thích hệ thống mạch dẫn máu của động mạch và tĩnh mạch. Ngón trỏ làm thông khí ở bụng. Ngón cái thông khí phổi giúp hô hấp.

Khi bẻ khớp của 10 đầu ngón tay, tay bệnh nhân có phản xạ do cảm thấy đau là hệ thần kinh đã phục hồi được sự sống.

c..Sử dụng thêm các huyệt cải thiện hô hấp (Nhân trung), tuần hoàn (Nội quan), thông tim mạch (Trung xung) và tăng khí (Túc lâm khấp ) để bệnh nhân được khỏe hẳn.



Cào Bách hội. Bấm nhẹ Nhân trung và Nội quan .  
Day Trung xung Bấm Túc lâm khấp

## 2.Bất tỉnh:

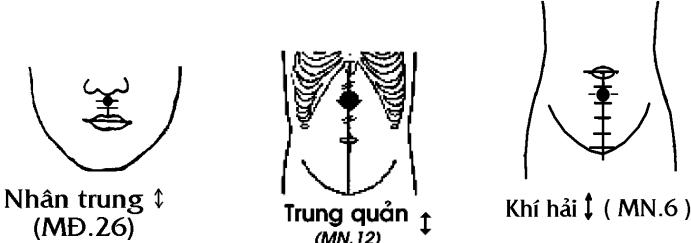
Perte de connaissance .



Bấm nhẹ huyệt Nhân trung để cải thiện hô hấp phục hồi hơi thở đến khi bệnh nhân tỉnh lại rồi dán cao Salonpas nhỏ bằng 1cm vuông lên huyệt. Bấm huyệt Hợp cốc cả hai bên tay để làm thông giáng khí bị ngăn nghẹn nơi ngực giúp bệnh nhân thở vào dễ. Cuối cùng day bấm vừa phải huyệt Túc lâm Khấp hai bên chân để kích thích cho khí lưu thông toàn thân, sau đó có thể hơ cùu hoặc dán miếng cao to chừng 1-2cm để duy trì sức nóng nơi huyệt giúp cho cơ thể hoạt động mạnh hơn.

### 3.Bất tỉnh cầm khẩu :

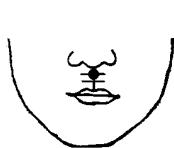
Perte de connaissance avec aphasic.



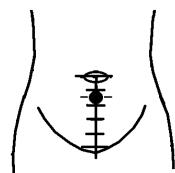
Bấm nhẹ huyệt Nhân trung cho đến khi tinh lại rồi dán cao 1cm vào huyệt để duy trì hô hấp. Dùng một ngón cái đè ấn vào huyệt Trung quản, ngón tay cái kia đè ấn vào huyệt Khí hải, sâu chừng 2cm và day nhẹ, đều cả hai huyệt một lúc lâu đến khi chân tay bệnh nhân âm và có hơi sức nói được mới thôi.

#### **4.Bất tỉnh lạnh chân tay :**

Perte de connaissance avec refroidissement des extrémités.



Nhân trung ↑  
(M.D.26)



Khí hải ↓ ( MN.6 )

Day bấm nhẹ huyệt Nhân trung cho đến khi tinh rồi dán cao vào huyệt. Sau đó hơ cứu vào huyệt Khí hải bằng ngải cứu, hoặc bằng một cây nhang to cọng hoặc 5-10 cây nhang nhỏ chụm lại, hoặc bằng điều thuốc lá..., hơ cho đến khi nào chân tay và người bệnh nhân âm.

Chúng ta có thể dùng thêm dầu nóng chà xát vùng tai, cổ gáy, sống lưng và tay chân.

#### **5.Bất tỉnh do trúng nắng :**

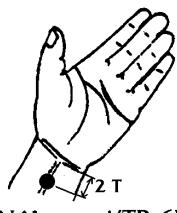
Coma par coup de chaleur.



Nhân trung ↑  
(M.Đ.26)



Trung xung ↓  
(TB.9)



Nội quan↓(TB.6)



Khúc trạch ↓  
(TB.3)

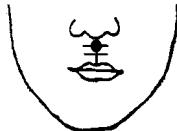


Xích trạch ↓  
(P.5)

Bấm day nhẹ Nhân trung, Nội quan, cho đến khi tỉnh lại .Tả hai huyệt Xích trạch hai bên tay bằng cách bấm có cảm giác đau vừa phải mà không làm tổn thương gân cơ, cho đến khi xuất mồ hôi người mát trở lại, rồi bấm hai huyệt Khúc trạch để thanh tâm hỏa trừ huyết nhiệt, thông tâm khí.

## 6.Bất tỉnh do chấn động kinh thần :

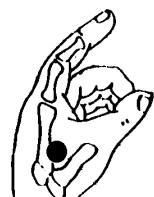
Syncope par atteinte nerveuse.



Nhân trung ↓  
(M.D.26)



Trung xung ↓  
(TB.9)



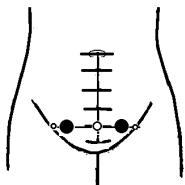
Hợp cốc↓(ĐT.4)



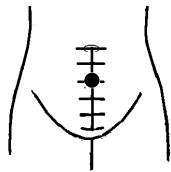
Ủy trung  
(BQ.40) ↑

Day bấm nhẹ Nhân trung để cải thiện hô hấp cho đến khi tĩnh lại. Day đầu ngón tay nơi huyệt Trung xung ở cả hai bàn tay làm thông hệ thống tuần hoàn tim mạch. Day bấm huyệt Hợp cốc cả hai tay làm hạ khí ngăn nghẹn cách mô thông xuống trường vị. Cho bệnh nhân nằm xấp, để đầu gối hơi cong lên rồi day vào huyệt Ủy trung làm thư giãn gân cơ toàn thân.

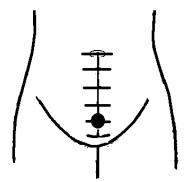
## 7. Băng huyết ( phụ nữ ) : Méno-métrrorragie.



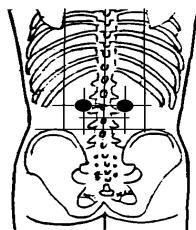
Tử cung



Thạch môn↓ (M.N.5)



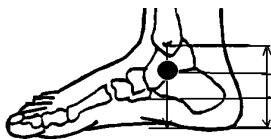
Trung cung↓ (M.N.3)



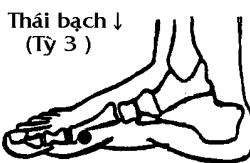
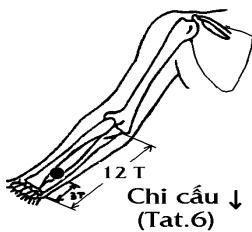
Thận du ↓ (BQ.23)

Day bấm hai huyệt Tử cung là kỳ huyệt chuyên chữa các bệnh về tử cung .Day và hơ bồ ba huyệt : Thạch môn làm ấm tử cung, Trung cung ôn điều huyết và Thận du để ích thủy tráng hỏa cầm giữ được huyết không ra nữa.

## 8.Bón làm đau bụng :Douleurs abdominales par constipation.



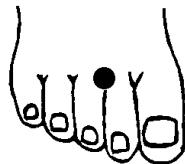
Chiêu hải ↑ (Thận 6)



Day bấm hơi đau nơi huyệt Chiêu hải ở hai chân làm hạ thủy. Day bấm Chi cầu làm tan ứ kết trong trường phủ. Day bấm huyệt Thái bạch để trợ vận hóa trung tiêu sẽ giảm đau và tống phân ra ngoài.

## 9. Bụng tức do đầy hơi :

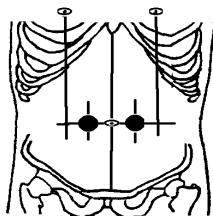
Ballonnement abdominal.



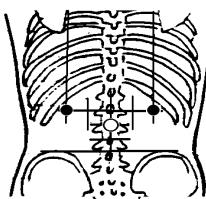
Nội đinh ↓  
(V.44)

Day bấm huyệt Nội đinh ở hai chân để làm thông giáng vị khí, hòa trường hóa trệ làm hạ khí đầy ở bụng.

## 10. Bụng quặn đau nỗi gò cục : Douleurs abdominales avec péristatisme intestinal localisé.



Thiên xu ↓ ( V.25 )



Hoang môn ↓  
(BQ.51 )

Day bấm rồi hơ bồ hai huyệt Thiên xu để tiêu thực hóa tích thấp trệ ở trường vị. Day bấm hơ bồ hai huyệt Hoang môn để thông khí tắc vùng tam tiêu.

## 11.Bụng quặn đau có cục cuôn lên

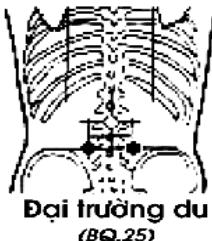
**cuộn xuống** : Douleurs abdominales avec péristatisme intestinal errant.



Túc Thông cốc↑ (BQ.66)



Thúc cốt ↑ (BQ.65)

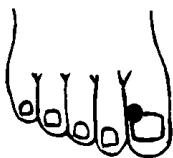


Đại trường du  
(BQ.25)

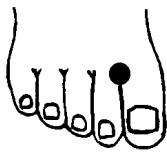
Bấm tá hai huyệt Túc thông cốc và Thúc cốt bằng đầu ngón tay cái hay bằng đầu bút bi hơi đau cho khí không đưa lên .Day bấm huyệt Đại trường du cho khí đi xuống để điều hòa khí, hóa trệ ở trường vị, thông khí trung và hạ tiêu.

## 12.Bụng dưới đau từng cơn mãnh

**liệt** : Colique abdominale basse .



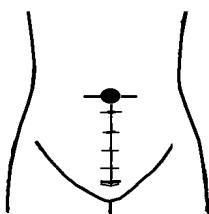
Đại đôn ↑ ( C.1 )



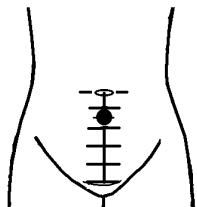
Hành gian ↑ ( C.2 )

Day bấm huyệt Đại đôn để điều hòa khí huyết đi nghịch.  
Day bấm Hành gian để thông khí trệ, giảm đau.

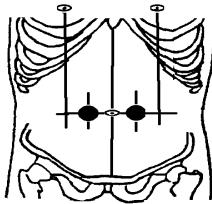
### 13. Bụng đau quanh rốn do trúng gió : Douleurs péri-ombilicales.



Thần khuyết ↑ ( MN.8 )



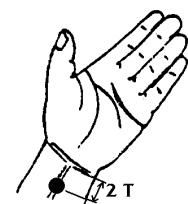
Khí hải ↓ ( MN.6 )



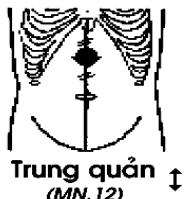
Thiên xu ↓ ( V.25 )

Hơ cứu nóng huyệt Thần khuyết làm âm bụng để vận khí cơ trường vị bị hàn. Hơ cứu Khí hải để thông khí âm toàn thân. Hơ cứu Thiên xu để điều lý khí tiêu thực tích trệ. Hơ cứu huyệt Thủy phân để vận tỳ thông lợi thủy thấp.

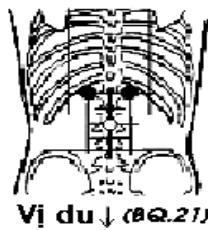
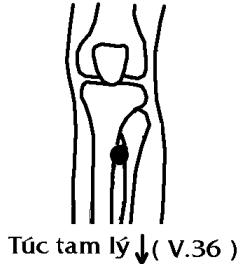
## 14. Buồn nôn muôn ói : Nausées et envie de vomissements.



Nội quan↓(TB.6)

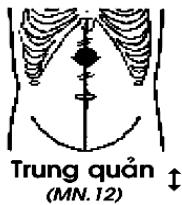


Trung quản ↑  
(MN.12)



Day bấm Nội quan bên trái để hạ hơi nghẹn ở tim.  
Day bấm Trung quản để thông thượng tiêu xuống trung  
tiêu. Bấm đau để tả Túc tam lý bên chân trái làm giáng  
khí nghịch của bao tử .Day bấm Vị du để điều hòa vị khí  
mau tiêu hóa, tiêu tích trệ.

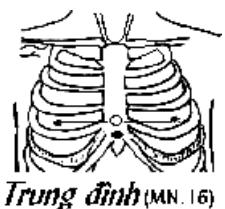
## 15. Buồn nôn do rối loạn bao tử: Nausées et vomissements dus aux troubles gastriques.



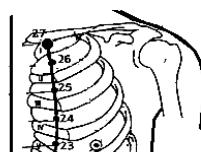
Day bấm hay đeo ngón tay cái ấn sâu và giữ một lúc lâu vào huyệt Trung quản để điều hòa vị khí. Day bấm Gian sứ bên tay trái để điều tâm khí hòa vị, thanh thần chí ,giải tà ở tâm và tam tiêu.

## 16.Buồn nôn và ói mửa :

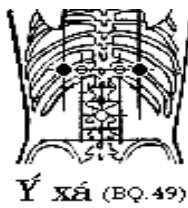
Nausées et vomissements .



*Trung đình (RN. 16)*



*Du phủ (Th.27)*



*Ý Xá (BQ. 49)*

Dùng ngón tay trỏ day ấn Trung đình, dùng ngón trỏ và ngón cái tay kia ấn huyệt Du phủ hai bên, khoảng 5 phút. Nằm úp, nhở người khác ấn đè vào huyệt Ý Xá, ấn xuống thở ra, nâng lên hít vào làm khí nghịch sê dì xuống làm hết nôn ói.

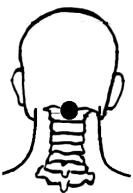
## 17.Buồn nôn do rối loạn nhịp tim :

Nausées et vomissements dûs aux troubles cardiaques.



Day bấm Nǎi quān bên trái để ổn định áp huyết. Day bấm Thān mōn hai bên để ổn định thần kinh, hoặc : Bấm tả Dài lǎng để hạ nhiệt và áp huyết khi bị ói mửa do sốt. Day bấm bổ huyết Tháy Uyēn ở hai bên tay để điều hòa tim mạch.

## 18.Cầm khẩu do trúng gió : aphasic.



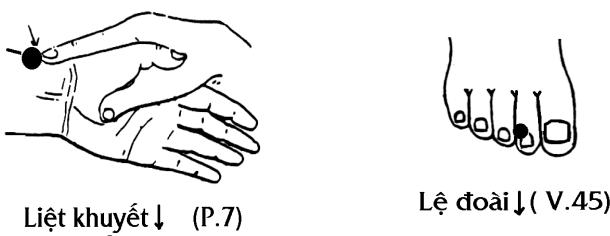
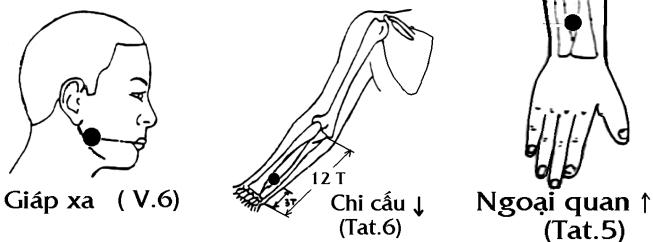
Á mòn ( MD.15)



Dũng tuyền↑  
(Th.1)

Day ấn huyệt Á mòn để khai khiếu lợi cơ lưỡi do trúng gió làm đờ lưỡi. Nhưng nếu người đang nói được do bị đánh hay té ngã hay do bấm quá mạnh trúng huyệt sẽ làm đờ lưỡi không phát âm được. Day kích thích huyệt Dũng tuyền ở hai lòng bàn chân để tác động thần kinh làm tỉnh não.

## 19. Cầm khẩu cứng hàm : Aphasic avec blocage mandibulaire.



Day bấm huyệt Giáp xa hai bên hàm làm thông lợi cơ khớp hàm. Day bấm Chi cầu để tuyên thông khí cơ. Bấm Ngoại quan làm thông khí uất trệ ở kinh lạc. Day bấm huyệt Liệt khuyết để thông Nhâm mạch, thông Đại trường, sơ điêu phế khí. Bấm tả hơi đau huyệt Lệ đoài để thanh thần chí, hòa vị, chống quyết nghịch.

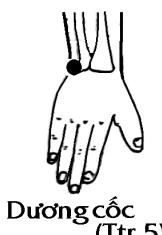
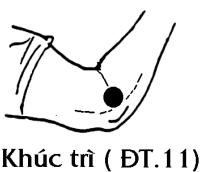
## 20. Co quắp 5 ngón tay : Flexion des 5 doigts.



Bấm Hợp cốc và Nhị gian làm mềm bàn tay và ngón tay. Cùng lúc bấm Hậu khê là huyệt khai của Mạch Đốc để thông khí và dẫn huyết ra tới đầu các ngón tay.

## 21. Co rút gân cổ tay và bàn tay :

Contraction des tendons du poignet et main.



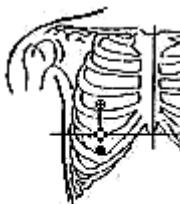
Bấm cùng lúc Khúc trì và Hợp cốc để trục phong hàn , thấp, nhiệt để cho gân cổ tay và bàn tay mềm. Day bấm Dương cốc thông kinh giải sưng cứng đau.

## 22. Co thắt cách mô làm tức thở :

Spasme diaphragmatique difficulté à respirer.



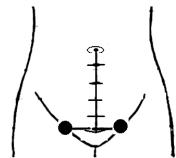
*Cách du (BQ.17)*



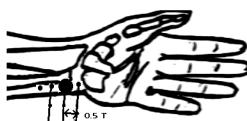
*Nhật Nguyệt  
(Đ.24)*

Bấm day ấn Cách du làm thông thượng tiêu với trung tiêu. Ấn đè vào huyệt Nhật nguyệt hai bên thông khí gan thận, giảm co thắt.

## **23.Co thắt cơ ruột cuộn thành cục :** Spasme intestinal.



*Xung môn (Tỳ 12)*

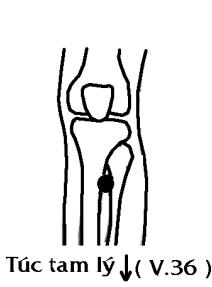


*Âm khích (Tâ.6)*

Day bấm Xung môn thông hoạt kinh lạc trung tiêu. Day bấm Âm khích làm giảm co thắt, giảm đau an thần.

## **24. Co thắt làm đau bắp thịt nơi ngực và bụng :**

Douleurs spasmodiques thoraciques et abdominales.



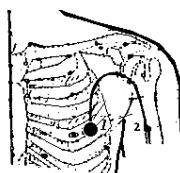
Túc tam lý ( V.36 )



Thừa sơn  
(BQ.57)

Tả đau Túc tam lý để hạ khí căng tức đầy giữa thượng trung tiêu xuống hạ tiêu.Bấm Thừa sơn điều phủ khí, thông kinh lạc, thư giãn cơ bắp giảm co thắt .

## **25.Cơn đau tim : Angine de poitrine.**

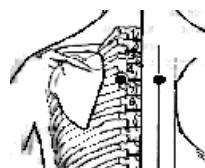


ThIÊN TRÌ (TB.1)

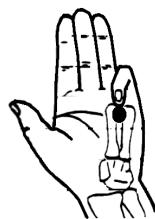
Để hai ngón tay cái ấn vào Thiên trì làm thư giãn cơ lồng ngực.

## 26.Cơn đau tim cấp tính :

Douleurs cardiaques aigues .



*Quyết âm du*  
(BQ.14)



*Thiếu phủ*(Tâ.8)

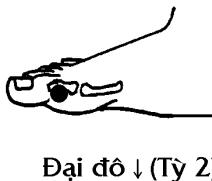


*Thông lý* (Tâ.5)

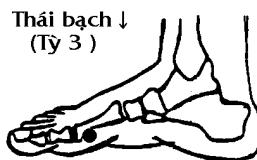
Day bấm Quyết âm du để thông tim mạch.Bấm tá hơi đau huyệt Thiếu phủ để hạ hỏa khí giảm căng tức tim ngực.Day bấm huyệt Thông lý làm thư giãn cơ gân vùng tim ngực.

## 27.Cơn đau tim làm mệt :

Douleurs cardiaques fatigantes.



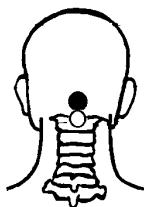
Đại đô ↓ (Tý 2)



Thái bạch ↓  
(Tý 3 )

Day bấm hơi đau huyệt Đại đô để giải khí bế tắc ở tâm vị cho khí đi xuống. Day bấm huyệt Thái bạch để điều chỉnh khí cơ hòa tâm vị sẽ hết mệt tim.

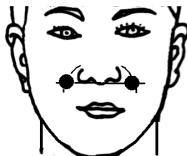
## 28.Chảy máu cam : Epistaxis.



Phong phủ(MĐ.16)



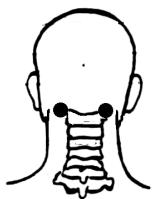
Nhị gian (ĐT.2)



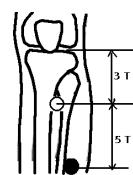
Nghênh hương  
(ĐT.20)

Một tay ân giữ Phong phủ. Một tay bấm đau để tả Nhị gian trong trường hợp người có tà nhiệt làm đau răng hoặc chảy máu chân răng hoặc ưa bị táo bón. Nếu không có nhiệt thì không cần bấm Nhị gian. Dùng hai ngón tay trỏ và giữa đè vào huyệt Nghênh hương ở hai bên cánh mũi để cầm máu.

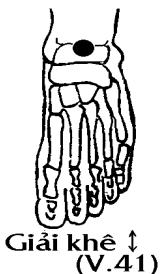
## 29. Chóng mặt nhức đầu : Vertige céphalée.



Phong trì (Đ.20)



Phong long  
(V.40) ↓



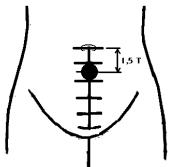
Giải khê ↑  
(V.41)



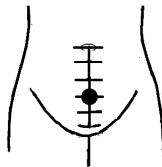
Hợp cốc ↘(ĐT.4)

Trước hết dùng 10 ngón tay cào gáy vùng huyệt Phong trì làm thông các mạch máu sau đầu rồi day nhẹ vào huyệt Phong trì để trực phong ở đầu. Bấm hơi đau huyệt Phong long hai bên chân để trực phong đã hâm hại tỳ vị khiến thức ăn đã bị chuyển hóa thành đờm làm tắc nghẽn tuần hoàn huyết. Day bỏ huyệt Giải khê làm mạnh khí hóa tỳ vị để chống phong. Bấm Hợp cốc để sơ trực phong tà ra ngoài cơ thể bằng đường mồ hôi hoặc bằng đường đại tiểu tiện.

### **30.Chóng mặt do áp huyết xuồng đột ngột :** Vertige dû à l'hypotension artérielle



Khí hải ↓ (MN.6)



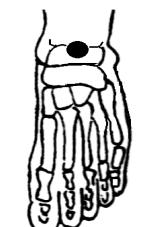
Quan nguyên ↑  
(MN.4)

Áp huyết xuống đột ngột do thiếu nguyên khí để duy trì tuần hoàn huyết, phải day và hơ ấm huyết Khí hải để tăng cường nguyên khí, và day hơ huyết Quan nguyên điều chỉnh huyết ở ba tạng can tỳ thận để có đủ huyết tuần hoàn cho cơ thể.

### 31. Chóng mặt nhức đầu, buồn nôn và ói : Vertige céphalée, nausées et vomissements.



Thừa quang (BQ.6)

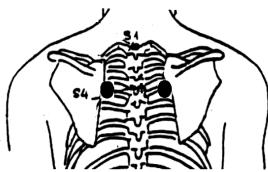


Giải khê ↓  
(V.41)

Dùng ngón tay cào vào vùng huyết Thừa quang hai bên đầu để thông khí ở phổi lên đầu ra mũi chống phong cảm do thời tiết. Day hơ bỏ huyết Giải khê làm mạnh

chức năng chuyển hóa Tỳ vị tăng cường sức đề kháng cho cơ thể không bị phong tà làm hại khiến nhức đầu chóng mặt buồn nôn.

### 32.Chóng mặt do suy nhược thần kinh : Vertige dû à neurasthénie.



Cao hoang ↑ (MĐ.14)



Khúc trì ( ĐT.11 )



Túc tam lý ↓ ( V.36 )

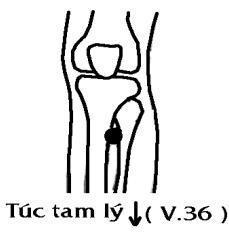


Đại chùy ↑ (MĐ.14)

Hơ bồ huyệt Cao hoang tăng cường sức đề kháng của cơ thể chống suy nhược. Day bấm huyệt Khúc trì để thông khí toàn thân, trừ phong dưỡng huyết. Hơ bồ hai huyệt

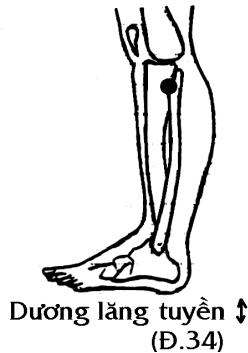
Túc tam lý vừa bổ khí huyết vừa tăng sức đề kháng chống bệnh tật. Day hơ huyết Đại chùy làm mạnh 6 kinh dương để thúc đẩy tuần hoàn khí huyết.

### 33.Chóng mặt xây xẩm do thiếu máu : Vertige dû à l'anémie.

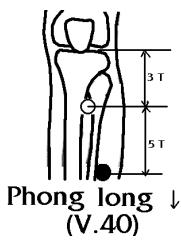


Day bấm và hơ bỏ hai huyệt Túc tam lý để tăng hồng cầu. Day hơ hai huyệt Khúc trì để thông khí toàn thân, trừ phong dưỡng huyết. Day hơ huyệt Đại chùy làm mạnh 6 kinh dương để thúc đẩy tuần hoàn khí huyết..

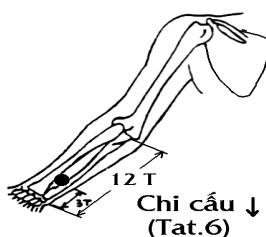
### 34.Chóng mặt xây xẩm do nhiều đờm suyễn : Vertige dû à l'asthme.



Dương lăng tuyền ↓  
(Đ.34)



Phong long  
(V.40) ↓



Chi cầu ↓  
(Tat.6)

Bấm Dương lăng tuyỀn trực phong tà, thư gân mạch.  
Bấm Phong long để hóa đờm thấp đã làm nghẽn tắc  
mạch dẫn máu lên đầu. Bấm hơi đau huyỆt Chi cầu để  
thông phủ khí, tán ứ kết trường vị làm tan đờm..

### 35. Chuột rút bàn chân :

Spasme plantaire des pieds.



Dūng tuyỀn ↑  
(Th.1)



Kinh cốt ↓ (BQ.64)



Thừa sƠn ↑  
(BQ.57)

Bấm huyệt Dūng tuyỀn để làm tinh não, thông hệ thần kinh làm giảm co thắt. Bấm hơi đau huyệt Kinh cốt để định thần, thanh não, trực phong đã làm co rút cơ bắp. Bấm Thừa sƠn để điều phủ khí, thăng dương thông kinh lạc..

### 36. Đau giữa ngực bụng :

Douleurs médianes thoraco-abdominales.

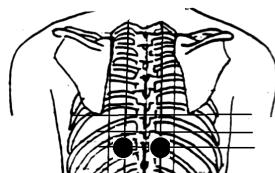


Túc tam lý ( V.36 )

Bấm hơi đau huyệt Túc tam lý để tả hạ khí nghịch của vị đã làm nghẽn đầy tắc trung tiêu khiến đau tức giữa ngực bụng..

### 37. Đau hông và lưng :

Douleurs des flancs et dos.



Can du (BQ.18)

Day bấm Can du làm thư giãn gân cơ, thần kinh do can khí hoành nghịch.

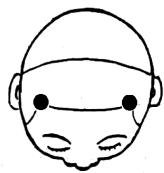
## **38.Đau giữa tim :**

Douleurs mésocardiaques.



Day bấm nhẹ nhẹ từ từ huyệt Nội quan bên tay trái làm ổn định áp huyết , mạch đập của tim và làm hạ khí ngăn nghẹn vùng tim ngực.

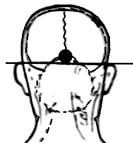
## **39.Đau đầu như búa bô : Céphalée perforante.**



Đầu duy ↓ (V.8)



Đại lăng↓(TB.7)



Cường gian  
(MD.18)

Cào bằng các ngón tay hay dùng đầu ngón tay gỗ mạnh vào huyệt Đầu duy để trực phong tả hỏa ở vùng đầu. Bấm tả Đại lăng bên trái để tả hỏa Tâm bào làm hạ áp

huyết. Cào hoặc dùng ngón tay gõ vào huyệt Cường gian trị phong làm co rút thần kinh khiến đau đầu cứng gáy.

## 40. Đau răng làm đau đầu như búa

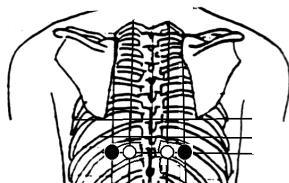
**bó :** Douleurs dentaires et céphalée perforante.



Cào hoặc dùng ngón tay gõ vào huyệt Khúc tân hai bên tai làm thư giãn thần kinh tam thoa đã bị phong tà làm co rút đau..

## 41. Đau nhức xương kéo căng gân

**cơ :** Douleurs osseuses, tiailllement tendineux.

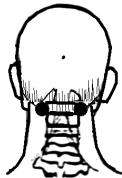


Hòn môn (BQ.47)

Day bấm huyệt Hôn môn để điều khí thư giãn gân cơ đã làm viêm đau nơi tim, sườn, ngực, bụng.

## **42. Đầu óc nặng nề hôn trầm :**

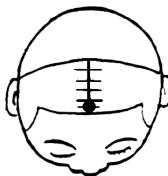
Lourdeur de tête somnolence.



Thiên trụ (BQ.10)

Day bấm Thiên trụ trị đau cứng đầu, cổ, gáy, choáng váng nặng nề, hôn trầm, mất tự chủ..

## **43 :Động kinh :** Convulsion.



Thần định (MĐ.24)



Tô liêu ↑ (MĐ.25)



Dũng tuyỀn ↑  
(Th.1)

Cào hoặc dùng ngón tay gõ vào huyệt Thần đình có tác dụng định thần phục hồi ý thức. Dùng móng tay ấn vào huyệt Tô liêu giữa đỉnh mũi để phục hồi và điều chỉnh mạch đập tự động của tim mạch trở lại bình thường. Dùng ngón tay bấm hơi đau huyệt Dũng tuyỀn ở hai bàn chân để thông thần kinh làm tỉnh não sẽ bớt co giật.

#### **44. Đóng kinh do sốt cao :**

Fièvre avec convulsion.



Thập tuyỀn tay



Thập tuyỀn chân

Dùng đầu bút bi châm Thập tuyỀn hoặc dùng kim châm nặn ra một tí máu ở các huyệt nơi đầu ngón tay và ngón

chân sẽ thông toàn bộ các kinh mạch để giải nhiệt, định thần, thức tỉnh thần kinh.

## 45.Động kinh sùi bọt mép, co giật chân tay : Convulsion, écume labale, contraction.



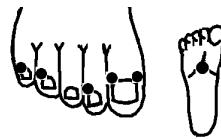
Thập tuyễn tay



Thập tuyễn chân



Thập tĩnh huyệt

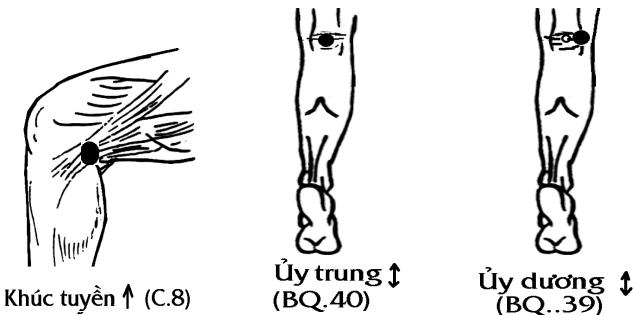


Thập tĩnh

Dùng kim châm Thập tuyễn nặn ra một tí máu để giải nhiệt, thông kinh, phục hồi thần kinh. Dùng đầu móng tay bấm vào các huyệt góc móng chân, tay và huyệt Dũng tuyễn gọi là Thập nhị tĩnh huyệt để khai thông sự hoạt động của 12 đường kinh..

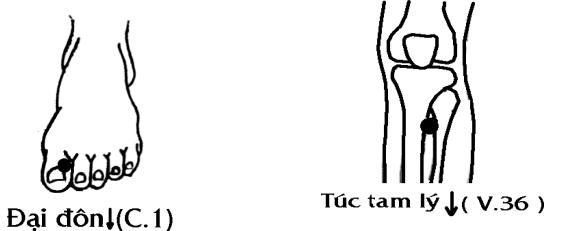
## **46.Đi khó khăn do cứng khớp gối :**

Difficulté de marche due à la raideur des genoux.



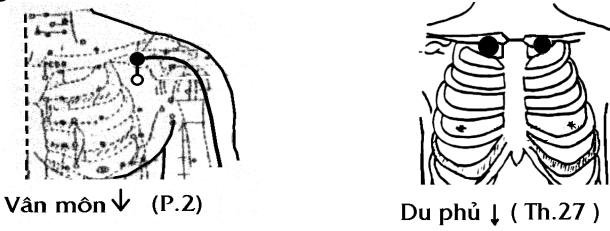
Bấm bở huyệt Khúc tuyỀn để thư giãn lạc, tiết can hỏa, thông hạ tiêu, thanh thấp nhiệt. Day bấm huyệt Ủy trung làm thư giãn cốt lợi lưng gối, tiết tà độc. Day bấm Ủy dương làm thông khí tam tiêu toàn thân giúp khí huyết lưu thông khắp nơi dễ dàng.

## **47.Hậu sản bất tỉnh :** Syncope post-délivrance.



Bấm hơi đau để tả huyệt Đại đôn làm thông giáng khí quyết nghịch, thanh thần chí, giảm co rút gân cơ thần kinh. Hơ bồ huyệt Túc tam lý để thông khí huyết.

#### **48.Hô làm mệt, khó thở :** Toux dyspnéique fatigante.



Day bấm huyệt Vân môn để giải tắc thông phế khí và làm tăng khí cho phổi bị thiếu hơi. Day huyệt Du phủ để tiêu đờm hạ khí, dẫn khí của hơi thở xuống sâu vào thận.

#### **49.Hô hấp yếu dần, thoi thóp :** Respiration faible.



Nhân trung ↑  
(MĐ.26)

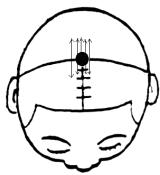


Tố liêu ↑ (MĐ.25)

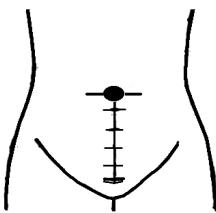
Day bấm nhẹ huyệt Nhân trung để cải thiện và phục hồi hô hấp bình thường, xong dán một miếng cao 1 cm vuông vào huyệt để duy trì tác dụng của huyệt được lâu dài. Dùng đầu móng tay hay đầu bút bi bấm vào huyệt Tố liêu nơi đỉnh mũi để điều chỉnh tự động mạch đập của tim trở lại bình thường.

## 50. Hôn mê do lạnh giá :

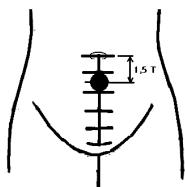
Coma dù au froid intense.



Bách hội ↑ (MB.20)



Thanh khuyết ↑ ( MN.8 )



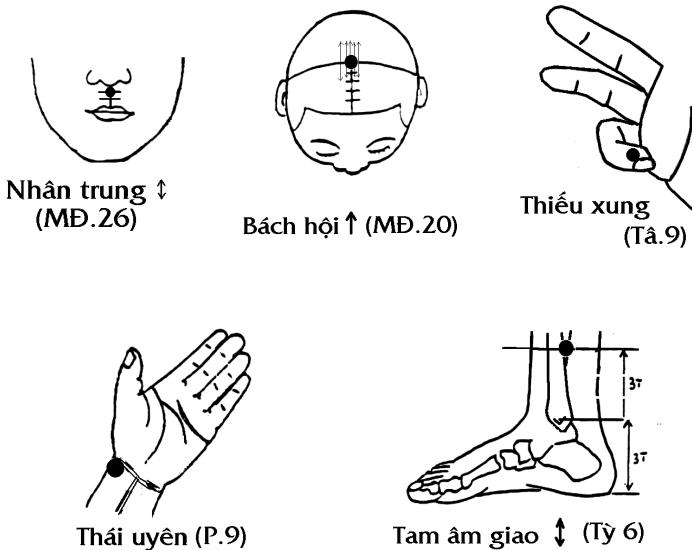
Khí hải ↑ (MN.6)



Nội quan↓(TB.6)

Hơi nóng huyệt Bách hội làm thăng dương khí làm ấm bộ não và thần kinh. Hơi nóng vào rốn là huyệt Thần khuyết để phục hồi nhiệt khí và dương khí bị thiếu mất. Hơi nóng huyệt Khí hải để chuyển khí âm chuyển khắp toàn thân và ra đến tay chân. Day bấm rồi dán cao vào huyệt Nội quan bên tay trái để điều hòa áp huyết tự động, điều chỉnh tim mạch..

## 51. Hôn mê ngất xỉu : Vertige comateux.



Day bấm nhẹ huyệt Nhân trung để phục hồi và cải thiện hô hấp. Hơi nóng hoặc cào huyệt Bách hội để thăng dương khí toàn thân. Day huyệt Thiếu xung để thanh thần chí, khai tâm khiếu. Day và hơi bỏ huyệt Thái uyên giúp khí lực của ống mạch hoạt động mạnh và đều để giúp 12 kinh lưu thông khí huyết dễ dàng. Day bỏ và hơi nóng huyệt Tam âm giao hai bên chân điều chỉnh khí và huyết của gan,tỳ, thận.

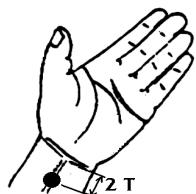
## 52. Hôn mê bế chứng : Coma contracturé.



Thập tuyêt



Nhân trung ↓  
(MD.26)



Nội quan ↓(TB.6)



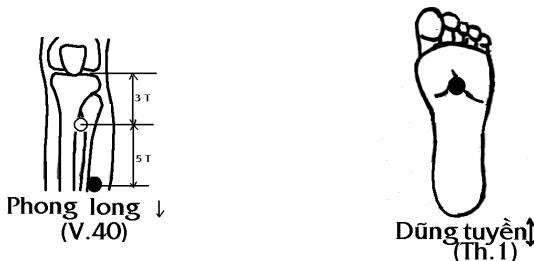
Hợp cốc ↓(ĐT.4)



Thái xung ↓  
(C.3)



Đại chùy ↓(MD.14)



Châm niken ra một tí máu ở huyệt Thập tuyễn nơi 10 đầu ngón tay ngón chân để giải nhiệt, giải bế khí đã làm co rút tay chân.

Day nhẹ huyệt Nhân trung vừa cải thiện hô hấp, vừa điều chỉnh âm dương trở lại thăng bằng.

Day bấm huyệt Nội quan bên trái để ổn định áp huyết và tim mạch tự động.

Bấm cùng lúc hai huyệt Hợp cốc và Thái xung chéo nhau để thông tứ quan trực phong bế, thông kinh hoạt lạc.

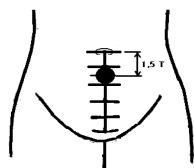
Tả hơi đau huyệt Đại chùy giảm bớt sự khí hóa dư thừa của 6 kinh dương.

Bấm tả huyệt Phong long trực phong và đờm đã làm chặn tắc nghẽn khí huyết.

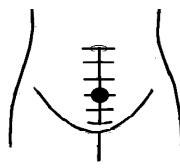
Dùng ngón tay bấm hơi đau huyệt Dung tuyễn làm tinh não, thông khí.

## 53. Hôn mê thoát chứng :

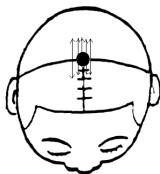
Coma avec lassitude.



Khí hải ↑ (MN.6)



Quan nguyễn ↑  
(MN.4)



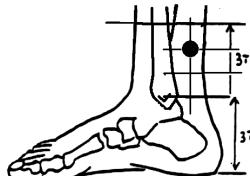
Bách hội ↑ (MB.20)



Tổ liêu ↓ (MB.25)



Thái uyên (P.9)

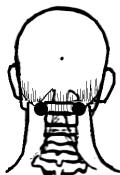


Phục lưu ↑ (Th.7)

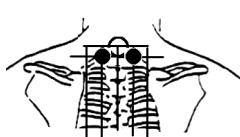
Hơi nóng huyệt Khí hải để làm ấm toàn thân. Hơi ấm huyệt Quan nguyên tăng cường khí huyết của can, tỳ, thận. Hơi nóng huyệt Bách hội phục hồi dương khí đem khí huyết lên đầu nuôi não. Dùng đầu móng tay bấm vào huyệt Tố liêu nơi đỉnh mũi điều chỉnh tự động mạch đậm của tim mạch. Day hơi bỏ huyệt Thái uyên hai bên cổ tay làm mạnh mạch khí giúp 12 kinh tuần hoàn. Hơi huyệt Phục lưu để phục hồi nguyên khí.

## 54. Hôn mê choáng váng, đau đầu,

**Ù tai :** Coma vertige céphalée,  
bourdonnement d'oreille.



Thiên trụ (BQ.10)



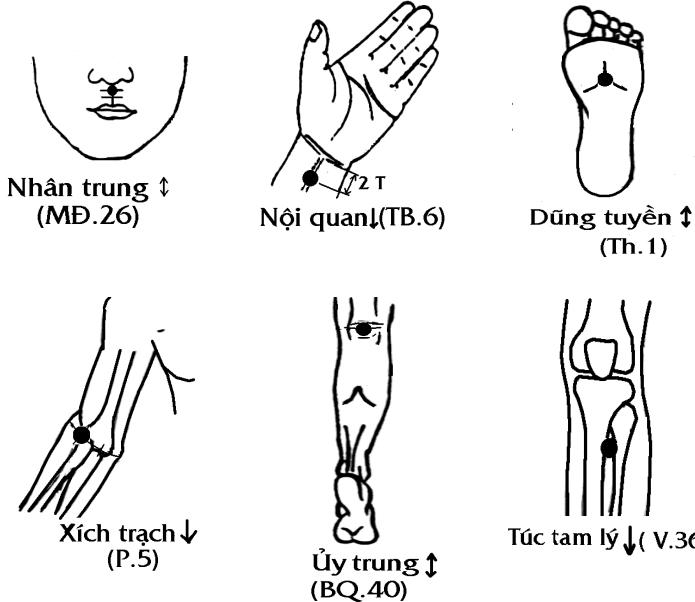
Đại trứ (BQ.11)



Côn lôn ↓ (BQ.60)

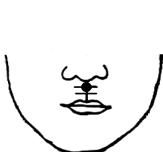
Day bấm đều nhẹ huyệt Thiên trụ để giải tắc gân mạch và sợi thần kinh vùng đầu đã làm tắc lưu thông tuần hoàn khí huyết nơi đầu khiến hôn mê choáng váng. Day bấm huyệt Đại trũ để trừ phong giải biểu thư cân chỉnh cốt tiết. Bấm huyệt Côn lôn sau mắt cá chân ngoài ở hai chân để thông khí kinh Bàng quang, thăng dương khí lên tai, lên đầu.

## 55. Hôn mê do trúng độc : Coma dù à l'intoxication.



Day bấm nhẹ Nhân trung và Nội quan bên trái để cứu tinh, điều hòa hô hấp và tim mạch. Dùng ngón tay bấm hơi đau huyệt Dũng tuyền để làm tĩnh não. Day bấm đau hai huyệt Xích trạch và Ủy trung để giải độc toàn cơ thể. Tả đau huyệt Túc tam lý cho giáng khí nghịch và tống thức ăn ra khỏi bao tử để xuống ruột đi ra ngoài.

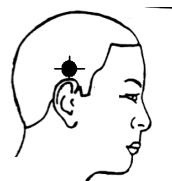
## **56.Hôn mê do say rượu : Coma dû à l'ivresse.**



Nhân trung ↑  
(MD.26)



Ty thông (K.H.)

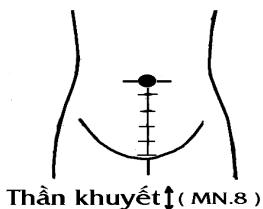


Suất cốc(D.8)

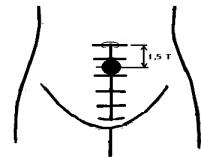
Day bấm huyệt Nhân trung chữa hôn mê. Dùng hai ngón tay trỏ và giữa ấn đè vào cạnh sống mũi nơi huyệt Tỵ thông làm thông hai lỗ mũi được dễ thở ,trừ tắc nghẹt mũi và mũi mất chức năng phân biệt mùi. Dùng ngón tay cào đầu vùng huyệt Suất cốc để giải độc thần kinh do rượu hoặc các chất hóa học đã làm tê liệt thần kinh..

## 57. Hư thoát chứng :

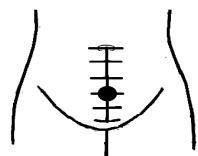
Pertes séminales dues à la faiblesse.



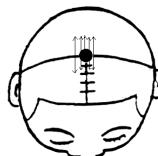
Thận khuyết ↑ (MN.8)



Khí hải ↑ (MN.6)



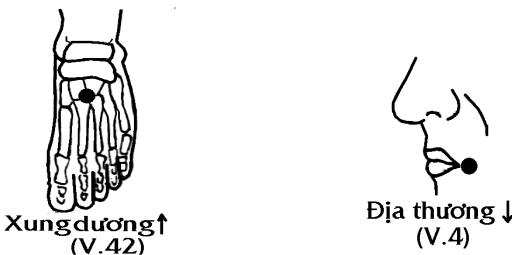
Quan nguyên ↑  
(MN.4)



Bách hội ↑ (MĐ.20)

Hơi nóng để bồi các huyệt Thận khuyết, Khí hải, và Quan nguyên nhằm phục hồi dương khí và khí huyết của gan, tỳ, thận. Hơi nóng huyệt Bách hội để thăng dương khí hoạt động khắp cơ thể để hồi dương cố thoát..

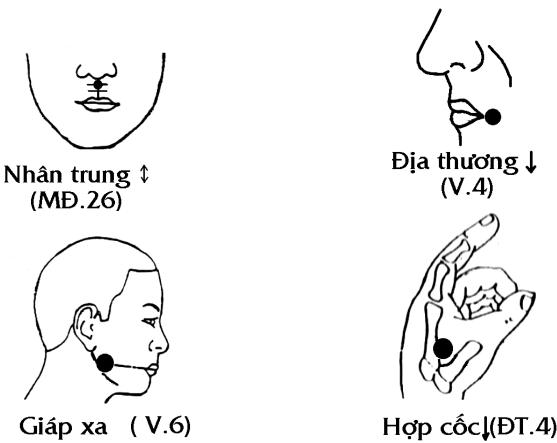
## **58.Liệt mặt do tổn thương thần kinh :** Paralysie faciale par atteinte nerveuse.



Bấm huyệt Xung dương thăng dương khí của kinh Vị chạy qua vùng mặt (bên chân ngược với bên méo miệng). Dùng đầu bút bi châm vào huyệt Địa thương (cùng với bên bị liệt) để làm giãn sự căng cơ ở miệng chữa được bệnh chảy nước dãi và méo miệng. Có thể dùng thêm huyệt Nhân trung để điều hoà sự mất quân bình âm dương trên mặt..

## **59.Liệt mặt, mắt xếch do tổn thương thần kinh :**

Paralysie faciale avec oculogyre par atteinte nerveuse.



Day bấm rồi dán cao huyết Nhân trung để điều chỉnh khí nghịch âm dương trên mặt. Dùng đầu bút bi day nhẹ huyết Địa thương bên liệt (là bên khi cười mà bên đó môi không nhúc nhích). Day bấm rồi hơ nóng trên huyết Giáp xa bên liệt để thần kinh gân cơ bên liệt co rút kéo miệng ngay lại. Bấm huyết Hợp cốc bên liệt để sơ tán phong tà, giải biểu, thông các lạc mạch và các sợi thần kinh ở đầu mặt..

## 60. Lưng đau như gãy :

Douleurs coupantes du dos.



Thúc cốt ↑ (BQ.65)



Phi dương  
(BQ.58)



Thừa cân ↑  
(BQ.56)

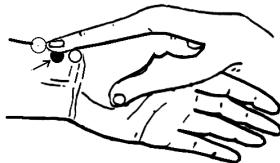
Bấm tả đau huyệt Thúc cốt để trực phong tà, định thần, thanh não, giảm đau. Day bấm huyệt Phi dương để trực phong thấp ở kinh lạc Day bấm huyệt Thừa cân để trực hàn tà và làm mạnh lưng đùi .

Hoặc để bệnh nhân nằm xấp, day ấn dọc đốt sống lưng theo huyệt Hoa Đà giáp tích để làm thông và thư giãn thần kinh dọc cột sống sẽ hết đau lưng.



## 61. Lưng rút gân làm đau :

Douleurs névralgiques du dos.



Kinh cù↓ (P.8)

Day bấm huyệt Kinh cù tả sốt hàn nhiệt vãng lai làm gân khi co khi rút đau.

## 62. Lưng đau cứng nơi cột sống :

Douleurs raides de la colonne vertébrale..



Nhân trung ↑  
(MĐ.26)

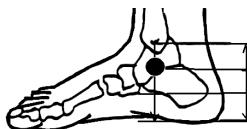
Day bấm huyệt Nhân trung để thông Mạch Nhâm-Đốc, điều hòa nghịch khí âm dương, thông khí huyết nơi cột sống.

### 63. Lưng đau cúi ngửa không được :

Douleurs dorsales avec impotence fonctionnelle.



Thân mạch↑ (BQ.62)

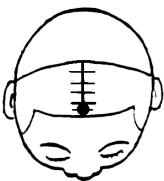


Chiếu hải ↑ (Thận 6 )

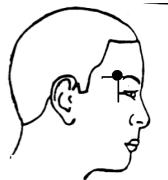
Bấm hai huyệt Thân mạch và Chiếu hải cùng một lúc để liên kết và điều hòa âm dương kiều mạch làm thư giãn gân mạch ở lưng .

### 64. Mắt trợn ngược :

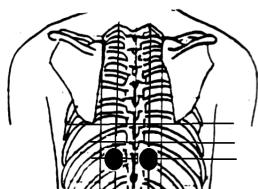
Anoblepsie ( crise oculogyre).



Thân định (MĐ.24)



Ty trúc không  
(Tat.23)



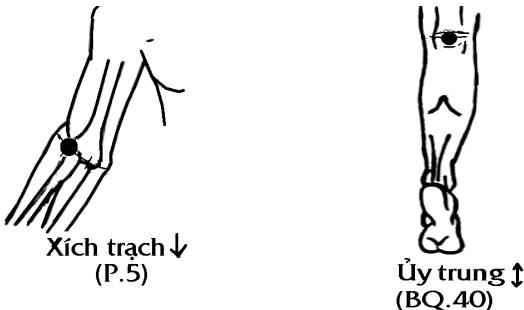
Can du (BQ.18)



Ngọc châm  
(BQ.9)

Cào vùng huyệt Thân định để phục hồi ý thức. Day ấn huyệt cuối chân mày Ty trúc không để giải tắc thần kinh, thông điều khí cơ tam tiêu. Bấm Can du thư giãn khí huyết gân mạch giảm đau. Cào vùng Ngọc châm để khai kхиếu cho đầu, mũi, mắt ,tai.

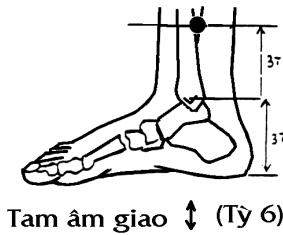
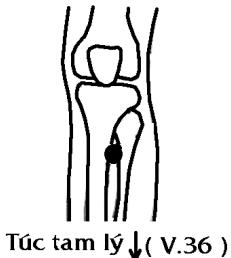
## 65. Mê loạn do đau bụng, ói mửa, tiêu chảy : Délire dû au choléra, douleurs abdominales.



Bấm tả hơi đau hai huyệt Xích trạch và Ủy trung để giải độc, giảm đau, thư cân lạc, trục phong ,thấp, tà nhiệt độc.

## 66. Mệt lả : Fatigue excessive.





Day bấm nhẹ Nội quan bên trái để ổn định áp huyết. Hơ cứu Túc tam lý để tăng khí lực chống mệt mỏi. Hơ bỏ Tam âm giao làm mạnh khí hóa gan tỳ thận để khí huyết được điều hòa.

## 67. Miệng sùi bọt méo, cứng hàm :

Hypersalivation avec blocage mandibulaire.

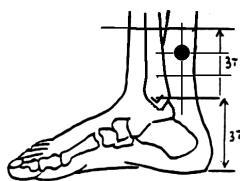
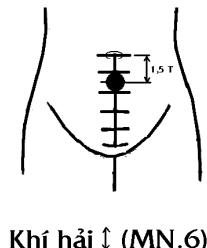
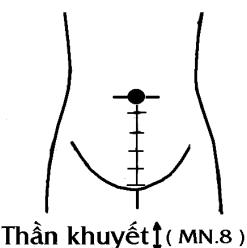


Day bấm Giáp xa làm thư giãn khớp hàm. Day Nhân trung điều chỉnh thăng bằng bằng khí nghịch âm dương trên

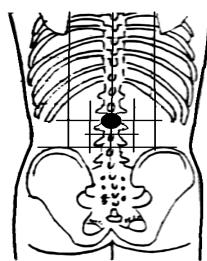
mặt, giảm sự co rút gân ở môi miệng, lưỡi, hàm và toàn thân. .

## 68. Mồ hôi ra hoài không cầm làm mệt yếu dần (thoát dương)

Transpiration continue, hyposympathicotonic.



Phục lưu ↑ (Th.7)

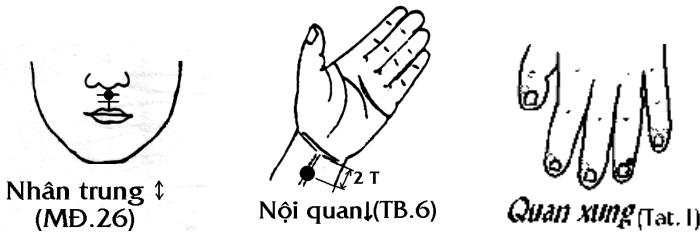


Mệnh môn ↑  
(MD.4)

Hơi nóng huyệt Thận khuyết để cầm giữ lại dương không bị thoát mất. Hơi cứu Khí hải làm ấm cơ thể toàn thân. Hơi Phục lưu và Mệnh môn để bồi thận thủy hoàn lại số

nước đã mất bằng đường mồ hôi và thận thủy sẽ được Mệnh môn hóa dương khí bổ sung cho vệ khí đóng lỗ chân lông cầm giữ không cho ra mồ hôi, nguyên khí sẽ phục hồi.

## 69. Ngất xỉu : Syncope.



Day bấm nhẹ hai huyệt Nhân trung và Nội quan để cứu tỉnh bệnh nhân, xong day huyệt Quan xung vừa tăng hỏa vừa thông kinh tam tiêu. Dùng đầu móng tay bấm hơi đau vào huyệt Tố liêu để điều chỉnh mạch đập của tim. Hơ Bách hội để thăng dương toàn thân, thăng huyết lên đầu để nuôi não để phòng tắc mạch máu não làm mất thần trí.

## 70. Ngất xỉu do điện giật :

Syncope par électrocution.



Tô liêu ↑ (MĐ.25)



Nội quan ↓ (TB.6)



Dũng tuyền ↑  
(Th.1)

Dùng đầu móng tay bấm vào huyệt Tô liêu điều chỉnh nhịp tim bình thường. Day bấm nhẹ Nội quan điều chỉnh áp huyết, dưỡng tâm an thần. Bấm hơi đau huyệt Dũng tuyền thông mạch máu não làm tỉnh não.

## 71. Ngất xỉu do trúng độc :

Syncope par intoxication.



Nội quan ↓ (TB.6)



Tô liêu ↑ (MĐ.25)

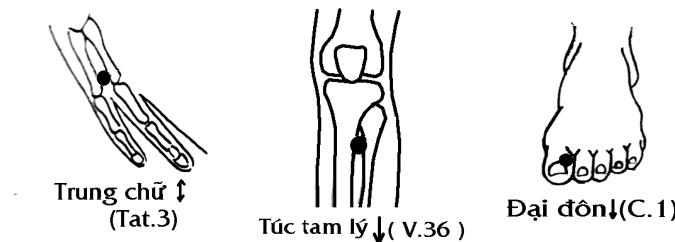


Túc tam lý ↓ ( V.36 )

Day bấm nhẹ Nội quan bên trái giúp ổn áp tự động, bồ tâm an thần .Dùng đầu móng tay bấm vào huyệt Tô liêu điều chỉnh nhịp tim tự động. Day bấm hơi đau huyệt Túc tam lý làm thông trường vị.

## 72.Ngất xỉu do trúng lạnh :

Syncope par refroidissement.



Bấm huyệt Trung chử thông tam tiêu .Hơi huyệt Túc tam lý làm thăng dương khí âm cơ thể. Bấm đau huyệt Đại đôn để sơ tiết quyết khí hồi nghịch do trúng lạnh làm hàn khí đĩ nghịch hại tâm hỏa .

## 73.Ngất xỉu tim ngừng đập :

Syncope avec arrêt cardiaque.

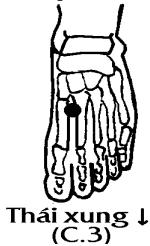


Thiếu xung  
(Tâ.9)

Dùng móng tay bấm đau hoặc bóp khớp ngón tay út cho đau ở huyệt Thiếu xung bên trái trước rồi bên phải sau sẽ làm tim đập trở lại..

## 74.Ngất xỉu, thở vào khó :

Syncope avec dyspnée inspiratoire



Thái xung ↓  
(C.3)

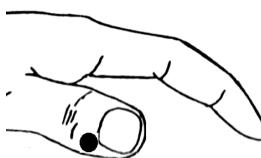
Day bấm huyệt Thái xung vừa làm thông can khí bị thương nghịch hoặc hoành nghịch ngăn nghẹn trung tiêu khi thở khí không vào khiến thiếu oxy trong máu để nuôi não,vừa thư giãn thần kinh nơi đầu làm tỉnh não..

## 75.Ngộp thở, mặt tím tái :

Dyspnée avec cyanose faciale.



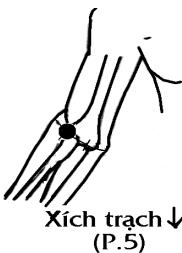
Nhân trung ↓  
(MĐ.26)



Thiếu thương ↓ (P.11)

Day bấm nhẹ huyệt Nhân trung cải thiện hô hấp tăng cường khí oxy cho não. Bấm bằng móng tay vào huyệt Thiếu thương làm thông phế khí sê hít thở dễ để có đủ oxy sê không bị ngập thở và tím tái.

## 76. Ngực tức khó thở : Oppression thoracique.



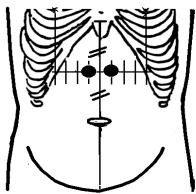
Xích trạch ↓  
(P.5)



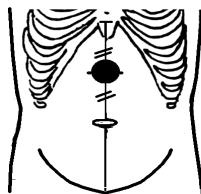
Thiếu trạch(Ttr.1)

Bấm hơi đau huyệt Xích trạch đã làm tắc phế khí gây khó thở do không khí ngột ngạt hoặc hơi độc. Day bấm huyệt Thiếu trạch để thanh tâm hỏa, tán nhiệt độc, khai thông ứ tắc ở tâm.

## 77. Nôn ợ liên tục : Nausées incoercibles.



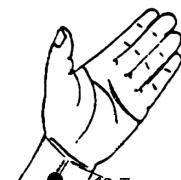
Âm đō (Th.9)



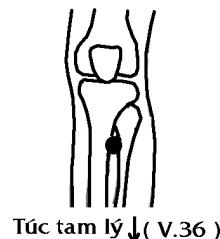
Trung quản ↑ (MN.12)

Day bấm và hơ nóng hai huyệt Âm đō và Trung quản chữa bệnh ăn không xuống mà đội nghịch lên làm nôn ợe.

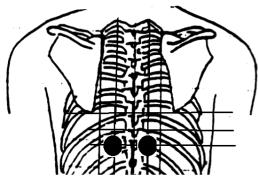
## 78. Nôn ra máu : Hématémèse.



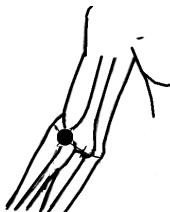
Nội quan↓(TB.6)



Túc tam lý ( V.36 )



Can du (BQ.18)



Xích trạch ↓  
(P.5)

Bấm nhẹ huyệt Nội quan ổn định áp huyết, định tâm an thần. Day bấm hơi đau huyệt Túc tam lý để hạ khí tâm vị. Day bấm Can du điều giữ huyết. Bấm đau huyệt Xích trạch cho phế khí đi xuống làm cho huyết xuống theo mà không ói ra nữa..

## 79. Ói mửa sau khi ăn kèm nóng sốt :

Nausées et vomissements post-prandiales, fièvre.



Túc tam lý ↓( V.36 )



Lao cung↓(TB.8)

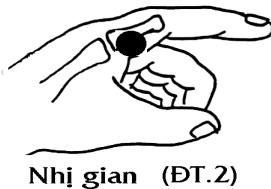
Tả đau huyệt Túc tam lý cho thăng thanh khí, giáng trọc khí cầm ói mửa do trường vị nhiệt. Tả huyệt Lao cung bên trái bằng cách bấm móng tay vào huyệt cho đau làm mắt hỏa lui sốt nhiệt.

## **80. Phù môi : Oedème des lèvres.**



Day hay dùng đầu bút bi châm vào huyệt Nghênh hương để trị phong nhiệt làm môi bị sưng..

## **81. Phù yết hầu : Oedème pharygien.**



Bấm đau để tả huyệt Nhị gian làm mát hỏa khí của trường vị đã xông lên cổ họng .

## 82.Rối loạn áp huyết làm nhức đầu, chóng mặt, khó thở :

Irrégularité de tension artérielle.

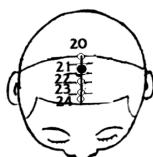


Nhân trung ↓  
(MD.26)

Day bấm nhẹ huyệt Nhân trung để ổn định tâm phế, cải thiện hô hấp, điều chỉnh tự động trong trường hợp mất hoặc rối loạn âm dương khí huyết..

## 83.Rối loạn tiền đình,(đi lảo đảo) :

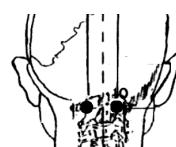
Syndrome labyrinthique.



Tiền đình  
(MD.21)



Toản trúc (BQ.2)



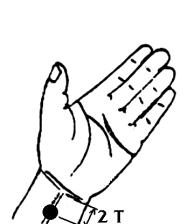
Thiên trụ (BQ.10)

Dùng một ngón tay cào vào huyệt Tiền đình do huyệt tụ nơi vùng đầu mà không phân phôi đều làm mát thăng bằng đi lảo đảo một bên, hoặc chỉ nắn nghiêng được một bên.

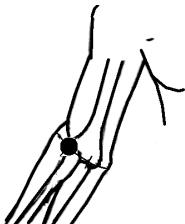
Bấm bóp bằng hai ngón tay kẹp lại ở hai đầu trong chân mày nơi huyệt Toản trúc để cho tăng cường thêm huyết dồn lên đầu nuôi não sẽ hết chóng mặt hoa mắt do thiếu máu não.

Day bấm huyệt Thiên trụ làm thông gầm mạch, giải phong tà đã làm co thắt các ống dẫn khí huyết nơi đầu.

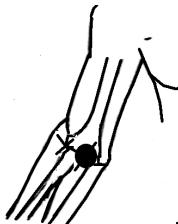
## 84.Say nắng : Coup de chaleur.



Nội quan ↓(TB.6)



Xích trạch ↓  
(P.5)



Khúc trạch ↓  
(TB.3)

Day bấm nhẹ huyệt Nội quan ổn định tim mạch, áp huyệt, dưỡng tâm an thần. Bấm tả hơi đau hai huyệt Xích trạch và Khúc trạch làm mát tà nhiệt ở tâm phế.

## **85.Say sóng : Mal des transports.**



Nội quan↓(TB.6)



Túc tam lý↓( V.36 )



- Thái dương  
(kỳ huyết)

Day bấm nhẹ huyệt Nội quan ồn òn đỉnh áp huyệt tim mạch ,định tâm an thần. Bấm tả hơi đau huyệt Túc tam lý để hạ trọc khí trung tiêu trường vị. Day huyệt Thái dương trị nhức đầu say sóng do đi tàu xe.

## **86.Sốt : Fièvre.**



Đại chùy↓(MD.14)



Hợp cốc↓(ĐT.4)

Dùng đầu bút bi bấm tả hơi đau huyệt Đại chùy để hạ hỏa khí của 6 kinh dương.Bấm day huyệt Hợp cốc cho đến khi xuất mồ hôi để giải nhiệt sau đó uống một ly nước để hoàn lại nước cho cơ thể ,vừa để giải nhiệt.

## 87.Sốt cao làm kinh :

Hyperthermie avec convulsion.



Ủy trung ↑  
(BQ.40)



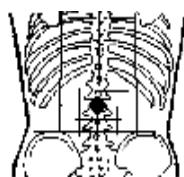
Ủy dương ↓  
(BQ..39)

Bấm huyệt Ủy trung để thanh huyết, tiết tà nhiệt độc toàn thân. Day bấm Ủy dương để điều thủy đạo lợi bàng quang và giải nhiệt, sau đó uống thêm nước vừa để hoàn lại nước cho cơ thể đã xuất ra bằng đường tiểu tống nhiệt độc, vừa có đủ lượng nước để giải nhiệt tiếp.

## 88.Sốt mình nóng như lửa, đau đầu như búa bô : Fièvre excessive céphalée.



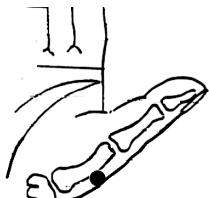
Trung xung ↓  
(TB.9)



Mệnh môn (MB.4)

Dùng đầu móng tay bấm đau vào huyệt Trung xung để tả sốt nhiệt đã làm đau đầu. Hơi Mệnh môn vừa để tăng cường hệ miễn nhiễm vừa bồi bổ nguyên khí, mạnh khí hóa và vừa tiết tà nhiệt của ngũ tạng, điều hòa tam tiêu dẫn hỏa quy nguyên để hạ hỏa ở đầu.

## 89.Sốt ho ra máu : Fièvre, hémoptysie.



Ngư té (P.10)



Thái khê ↑ (Th.3)

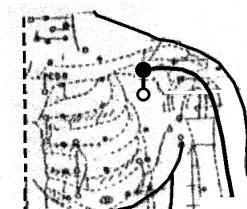
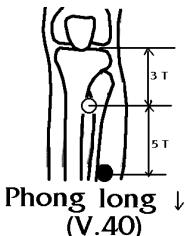
Bấm hơi đau huyệt Ngư té để xuất nhiệt độc trong phổi. Day bấm hoặc hơi bỗ huyệt Thái khê để trừ hư nhiệt và thanh tiết huyết nhiệt.

## 90.Suyễn lên cơn không nằm được :

Crise d'asthme avec difficulté de décubitus.



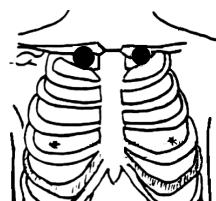
Thái khê (Th.3)



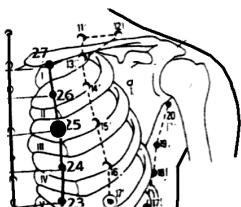
Day bấm hay hơ huyệt Thái khê để bồi thận âm thổi hú nhiệt, tráng nguyên dương để dưỡng phế âm. Bấm đau tả huyệt Phong long để hóa đờm thấp ngăn nghẹn ở phổi. Day bấm huyệt Vân môn để thông khí giải tắc khí ở phổi. Day bấm và hơ bỗ huyệt Thái uyên bên trái trước để bồi phế khí làm mạnh mạch khí rồi hơ bỗ huyệt Thái uyên bên phải nếu bệnh nằm ở phổi phải..

## 91. Suyễn lên cơn làm ngộp thở :

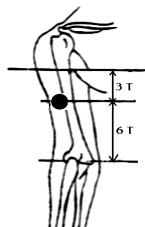
Crise d'asthme avec dyspnée.



Du phu ↓ ( Th.27 )



Thần tàng (Th.25)

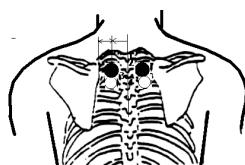


Thiên phủ  
(P.3)

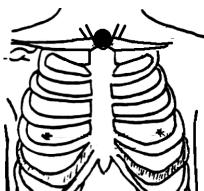
Day bấm huyệt Du phủ để làm tiêu đờm kết ở phế khí quản. Day bấm huyệt Thần tàng để thông khí đã ngăn chẹn hô hấp khiến khí không vào được. Day bấm hơi đau để tá huyệt Thiên phủ hóa giải can phế bất hòa làm cho khí thượng nghịch không thở vào được.

## 92. Suyễn thở gấp làm mệt :

Asthme polypnée fatigante.



Phế du ↓ (BQ.13)



Thiên đột↓ (MN.22)



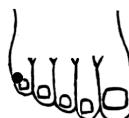
Túc tam lý↓ ( V.36 )

Day hơ bở huyệt Phế du để điều phế lý khí, thanh thổi hú nhiệt. Bấm hơ huyệt Thiên đột để thanh phế hóa đờm. Bấm hơi đau để tả huyệt Túc tam lý làm hạ khí trường vị .

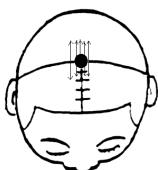
### **93.Tắc mạch máu não :** (nhẹ làm đau đầu, nặng làm bất tỉnh ) Obturation vasculaire cérébrale.



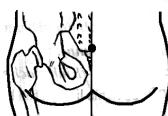
Dũng tuyến ↑  
(Th. 1)



Chí âm↓(BQ.67)



Bách hội ↑ (MB.20)

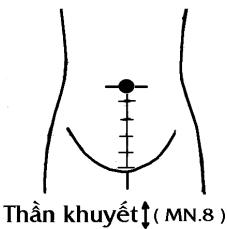


Bần huyết linh  
(k.h.)

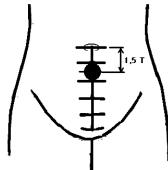
Dùng ngón tay bấm hơi đau huyệt Dũng tuyền ở hai lòng bàn chân làm tỉnh não. Dùng hai ngón tay cái và ngón tay trỏ vừa bấm vào huyệt Chí âm vừa xoay, day qua day lại hơi đau để tán phong tà làm khí huyết tắc nghẽn sọ não. Nếu day huyệt ở chân trái mà bên chân phải nhúc nhích hoặc ngược lại, có nghĩa mạch máu não bị tắc đã được khai thông, nếu bấm chân bên đây mà chân bên kia không nhúc nhích là não bị tắc huyết do va chạm tổn thương đã đóng thành máu vón cục. Cào huyệt Bách hội để thông các mạch cho khí huyết lưu thông khắp đầu. Châm hoặc day mạnh vào huyệt Bàn huyết linh để vừa dẫn máu lên não vừa làm tan máu bầm trong não..

## 94. Tiêu chảy nhiều, chân tay lạnh :

Diarrhée avec refroidissement des extrémités.



Thần khuyết ↑ (MN.8)

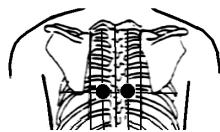


Khí hải ↑ (MN.6)

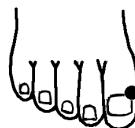
Hơi nóng hai huyệt Thần khuyết và Khí hải để tăng sức âm của cơ thể, để cầm giữ sự thoát mất nhiều nước do tiêu chảy và phục hồi dương khí.

## **95.Tiêu ra máu, ói ra máu :**

Méléna et hématémèse.



Cách du ↓ (BQ.17)



Ấn bạch ↑ (T.Y.1)



Đại lăng↓ (TB.7)



Thần môn (T.7)

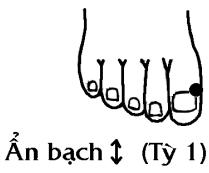


Thái khê ↑ (Th.3)

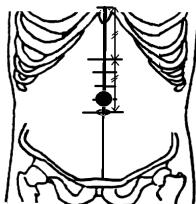
Bấm tả đau huyệt Cách du để hóa ú, lọc máu, thanh huyêt nhiễm độc. Day bấm nhẹ từ từ vào huyêt Ấn bạch để điều thông ôn huyêt máu tốt giữ lại, máu độc loại trừ. Bấm tả đau huyêt Đại lăng bên trái để hạ hỏa nhiệt, thanh vinh lương huyêt. Day bấm huyêt Thần môn để ổn định áp huyêt, bồ tâm an thần. Day bấm bồ huyêt Thái khê tư bồ thận âm thanh nhiệt.

## 96.Tiêu chảy măi không ngừng :

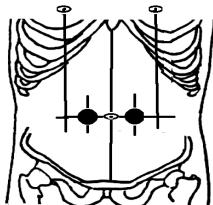
Diarrhée profuse.



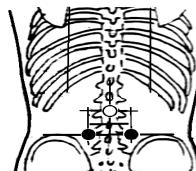
An bạch ↓ (Tỳ 1)



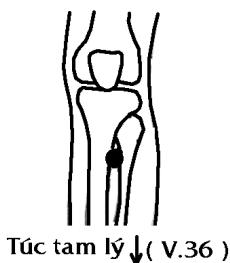
Thủy phân ↓ ( MN.9 )



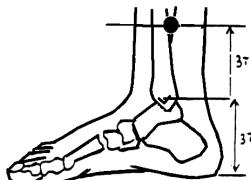
Thiền xu ↓ ( V.25 )



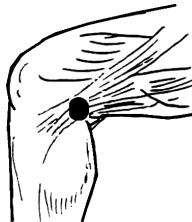
Đại trường du ↓  
( BQ.25 )



Túc tam lý ↓ ( V.36 )



Tam âm giao ↑ (Tỳ 6)

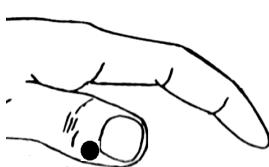


Khúc tuyỀn ↑ (C.8)

Day bấm huyệt Ân bạch để điều thông nghiệp thủy dịch. Bấm huyệt Thủy phân để vận kiện tỳ thông thủy thấp. Hơ hai huyệt Thiên xu để phò thổi hóa thấp thông tích trệ. Hơ bỗ Đại trường du để lý khí hóa trệ trường vị. Day bấm huyệt Túc tam lý để thăng thanh hóa trọc. Hơ huyệt Tam âm giao để thông điều khí huyết của gan tỳ thận, trợ vận hóa, thông khí trệ hạ tiêu, kiện tỳ, hóa thấp, sơ can, ích thận. Day bấm bỗ huyệt Khúc tuyỀn điều can khí thông hòa hạ tiêu.

## 97.Thở khó do ăn không tiêu :

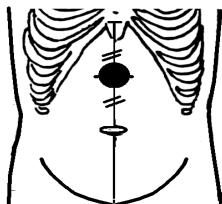
Dyspnée par indigestion.



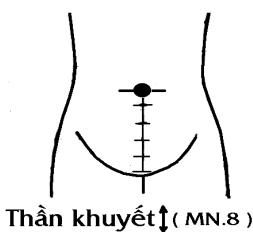
Thiếu thương ↓ (P.11)

Bấm hơi đau huyệt Thiếu thương để thông kinh thanh  
phế khí nghịch do vị khí đẩy lên.

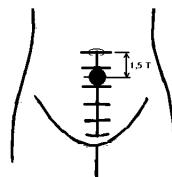
## 98.Trúng cảm lạnh : Refroidissement.



Trung quản ↑ (MN.12)



Thần khuyết ↑ (MN.8)



Khí hải ↑ (MN.6)

Hơi ẩm huyệt Trung quản điều lý trung tiêu. Hơi huyệt  
Thần khuyết để phục hồi hỏa khí, ôn thông nguyên  
dương, hóa hàn thấp trệ. Hơi huyệt Khí hải ôn hạ tiêu, tích

tụ dương khí phân bô dương khí đิ khắp cơ thể làm ấm người và chân tay.

## 99.Trúng cảm nắng :Coup de soleil.



Nhân trung  
(MĐ.26)



Thập tuyễn



Dũng tuyễn↑  
(Th.1)



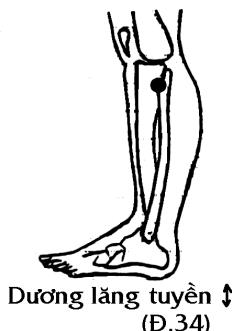
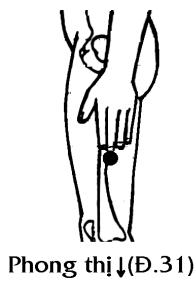
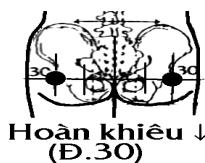
Ủy trung↑  
(BQ.40)

Day bấm huyệt Nhân trung để khai khiếu định thần, điều hòa khí nghịch âm dương, cải thiện hô hấp. Châm niken ra máu huyệt Thập tuyễn ở các đầu ngón tay để thông các kinh mạch và tiết tả thủ nhiệt. Dùng ngón tay bấm hơi đau vào huyệt Dũng tuyễn ở hai gan bàn chân làm tinh

não. Day bấm huyệt Ủy trung ở hai nhượng chân để thanh huyết, tiết tà nhiệt độc.

## 100. Tê công tay chân :

Engourdissement des extrémités.



Day bấm hai huyệt Hoàn khiêu để thông kinh lạc, khí trệ, tán phong thấp đã làm giãn mạch co rút đau nhức. Day bấm huyệt Phong thị trực phong thấp từ lưng xuống chân

làm thư giãn gân khớp. Day bấm huyệt Dương lăng tuyền để thư giãn cân mạch toàn thân.

## 101. Vợp bẻ, hoa mắt :

Spasme musculaire avec vision embrouillée.



Côn lôn ↑ (BQ.60)

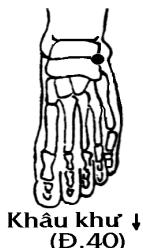


Thừa sơn ↑  
(BQ.57)

Bấm hơi đau huyệt Côn lôn để thư giãn, trực phong hóa thấp ở kinh lạc, giải phong tà phạm gan đã làm hoa mắt. Bấm huyệt Thừa sơn ở hai chân để điều phủ khí, khai thông thư giãn gân cơ bắp, thần kinh..

## 102. Vợp bẻ rút bắp chân :

Spasme musculaire des mollets.

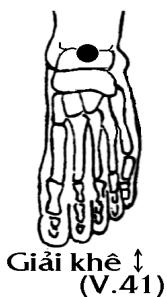


**Khâu khư ↓**  
(Đ.40)

Bấm huyệt Khâu khư để sơ can, lợi đởm, thông lạc, trực phong tà ở bán biếu bán lý, thư giãn gân cơ bắp và thần kinh..

### 103.Xây xẩm hoa mắt :

Vertige et vision embrouillée.



**Giải khê ↑**  
(V.41)



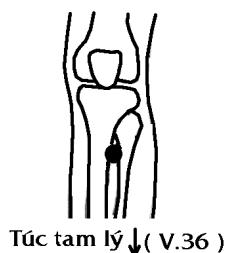
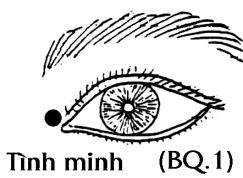
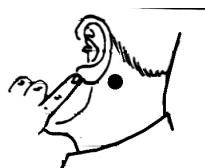
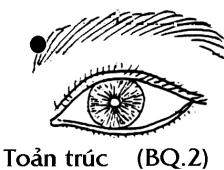
- **Thái dương**  
(kỳ huyệt)

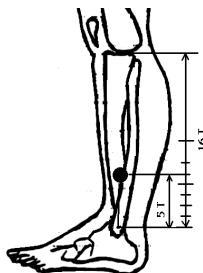
Hơ bồ huyệt Giải khê để bồ tỳ phò vị thông khí toàn thân để dẫn khí và huyết lưu thông khắp cơ thể.

Day vào huyệt Thái dương để điều hòa huyết vào mắt.

## 104. Xây xẩm do tăng nhãn áp :

Vertige dû à l'hypertension intra-oculaire.





Quang minh (Đ.37)

Dùng móng tay ấn đau vào huyệt Toản trúc ở hai đầu trong chân mày để giảm áp lực của khí huyết đã vào mắt nhiều.

Day bấm huyệt Ế minh thông thận khí.

Dùng ngón tay trỏ day nhẹ huyệt Tinh minh ở hai đầu mắt trong làm sáng mắt.

Tả đau huyệt Túc tam lý để thăng thanh khí giáng trọc khí, hạ nhãn áp.

Bấm huyệt Quang minh để trực phong hàn nhiệt tắc ở hạ tiêu khiến phong tà nhiệt ở thượng tiêu không xuống đã gây ra tăng nhãn áp và đã làm mắt mờ tối.